



Bài báo nghiên cứu CĂN TÍNH TRONG VĂN HỌC – MỘT SỐ BÌNH DIỆN NGHIÊN CỨU

Nguyễn Hồng Anh

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Hồng Anh – Email: anhnh@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 11-5-2023; ngày nhận bài sửa: 24-5-2023; ngày duyệt đăng: 06-6-2023

TÓM TẮT

Bài viết tìm hiểu vấn đề căn tính được khai thác trong văn học, qua ba bình diện: cách thức xây dựng hình tượng nhân vật, kí ức tự sự và thân thể biểu đạt. Việc xây dựng hình tượng nhân vật cá thể được mô hình hóa theo công thức tự định nghĩa (bởi yếu tố nội tại) và được định nghĩa (bởi yếu tố ngoại tại) trong khi hình tượng cộng đồng được xây dựng từ hai quan niệm dân tộc và đại chúng. Tùy theo mỗi phương thức xây dựng hình tượng, căn tính có thể đầy nghĩa hay rỗng nghĩa, có thể đồng nhất hay cạnh tranh với nhau và với xã hội. Ở bình diện kí ức, căn tính được nhìn từ bên trong, qua cách kể chuyện của nhân vật và tác giả. Ở bình diện thân thể, căn tính chuyển từ tinh thần sang cơ thể vật lí, cho thấy cả sự đồng thuận lẫn phản kháng khuôn mẫu xã hội áp đặt trên thân thể. Từ lí thuyết đến một số ví dụ điển hình trong văn học, bài viết mang đến một cái nhìn vừa khái quát vừa cụ thể về vấn đề căn tính trong văn học, cũng như cho thấy hiệu quả phân tích căn tính của nhân vật văn học gắn với nghệ thuật kể chuyện và quan niệm về văn hóa.

Từ khóa: thân thể trong văn học; căn tính trong văn học; kí ức tự sự

1. Giới thiệu

“Căn tính” (identity) là một khái niệm đa lĩnh vực, từ khoa học tự nhiên đến khoa học xã hội. Định nghĩa của Michael Bamberg (2009): căn tính “biểu thị nỗ lực khu biệt và tích hợp ý nghĩa của bản thể theo các chiều kích xã hội và cá nhân khác nhau về giới tính, tuổi tác, chủng tộc, nghề nghiệp, băng nhóm, tình trạng kinh tế xã hội, dân tộc, giai cấp, quốc gia hoặc lãnh thổ khu vực” (p.132) cho thấy sự phức tạp trong việc hiểu và diễn giải về căn tính. Nhìn chung, dù ở chiều kích nào, phân tích căn tính cũng cần làm rõ hai vấn đề: sự độc nhất của đối tượng so với các hữu thể khác, và sự đồng nhất của đối tượng qua những thay đổi không – thời gian.

Văn học có lợi thế lớn trong việc khai thác căn tính, vì nhà văn và người đọc đều có một khoảng cách đủ để kiến tạo và nhận diện nhân vật theo dòng tự sự. Từ văn học cổ đại với nhân vật nguyên sơ là các vị thần cho đến văn học hiện đại với nhân vật dù chỉ là các phân mảnh tinh thần, thì nỗ lực của nhà văn/ người đọc luôn là đi tìm nét độc đáo – tức căn tính – của hình tượng nhân vật, để khắc họa, phân tích và diễn giải. Từ góc nhìn này, bài viết

Cite this article as: Nguyen Hong Anh (2023). Aspects of exploring identity in literature. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(7), 1235-1247.

đề xuất một số khía cạnh khai thác căn tính trong văn học, đó là: cách thức xây dựng nhân vật, cách kể chuyện kí ức và cách biểu đạt thân thể. Ba khía cạnh này là một phần kết quả nghiên cứu về căn tính chúng tôi rút ra được từ công trình “Căn tính từ góc độ triết học – xã hội” (Nguyen, 2023, pp.134-146). Nghiên cứu đó đã diễn giải khái niệm căn tính và trình bày những thuộc tính của căn tính. Tựu trung, có hai loại: căn tính cá nhân, biểu đạt ở các mặt tâm lí, kí ức, thân thể; và căn tính cộng đồng biểu đạt ở kí ức, ngôn ngữ và lãnh thổ. Tuy nhiên việc phân loại các thuộc tính vào hai loại như thế chỉ mang tính chất tạm thời, để phục vụ cho việc diễn giải khái niệm. Thực tế, trong cá nhân có cả các thuộc tính của cộng đồng, và ngược lại. Từ các thuộc tính đó, chúng tôi nhận thấy trong văn học, kí ức và thân thể vẫn tiếp tục là những bình diện quan trọng để biểu đạt căn tính nhân vật; còn việc khắc hoạ hình tượng nhân vật cá thể và nhân vật cộng đồng, ở đây chúng tôi chọn mô hình của Jonathan Culler và Benedict Anderson – lựa chọn này chỉ là gợi ý, không phải đã bao quát được toàn bộ cách thức xây dựng nhân vật văn học. Cuối cùng, với những bình diện khác, như tâm lí, ngôn ngữ, lãnh thổ, chúng tôi sẽ triển khai ở một bài nghiên cứu khác trong tương lai.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Căn tính và cách thức xây dựng hình tượng nhân vật

2.1.1. Căn tính của hình tượng nhân vật cá thể

Jonathan Culler trong “Chương 8: Bản sắc, xác định bản sắc và chủ thể” từ công trình *Nhập môn lí thuyết văn học* (1997), cho rằng văn học, đặc biệt là thể loại tự sự gợi lên rõ nét vấn đề căn tính khi khắc hoạ hình tượng nhân vật. Điều gì khiến người đọc nhớ về Hamlet, Madame Bovary, Jane Eyre, Huckleberry Finn... – là dòng dõi, phẩm chất cá nhân, hay tính đại diện của nhân vật cho một giai tầng nào đó? “[Thể loại tự sự – N.H.A] này theo dõi số phận của nhân vật khi các nhân vật tự định nghĩa bản thân và được định nghĩa bởi vô vàn sự kết hợp của quá khứ, những lựa chọn của họ, và những lực lượng xã hội tác động lên họ” (Culler, 2020, p.168). Nhận định này cho thấy căn tính nhân vật cá thể được hình thành từ cả yếu tố nội tại (bản thân) và ngoại tại (xã hội).

Với trường hợp “nhân vật tự định nghĩa”, căn tính được kiến tạo bởi chính chủ thể, có thể hình dung qua trường hợp Odysseus trong sử thi *Odyssey* đã tự định nghĩa lại mình (từ kiểu mẫu anh hùng cơ bắp chuyển sang anh hùng trí tuệ) qua cuộc đấu tranh với biển cả và định mệnh để trở về nhà, hay Emma trong *Madame Bovary* trong cuộc đấu tranh với định kiến xã hội để thể hiện khuôn mặt người phụ nữ chân thật, định nghĩa lại ý nghĩa nữ tính (Culler, 2020, p.168). Với trường hợp căn tính “được định nghĩa”, căn tính là cái sẵn có, hay do dòng dõi quyết định, hay được kiến tạo từ sự tác động của xã hội.

Sự “tự/ được định nghĩa” của căn tính xuất phát từ cơ chế “đồng nhất” và “cạnh tranh” giữa các cá thể với nhau hay giữa cá thể và nhóm. Culler mượn cách lí giải từ phân tâm học: giống như đứa bé nhìn vào gương và đồng nhất mình với hình ảnh trong gương, chủ thể được hình thành từ “chuỗi đồng nhất” mình với hình ảnh được tạo ra qua trung gian là chiếc gương/ là người mẹ/ là một ai đó. Ví dụ: Trong phức cảm Oedipus của Sigmund Freud, người con đồng nhất mình với người cha để thể hiện tình yêu, khát khao với người mẹ. Và

sự đồng nhất này tiếp diễn không ngừng khi ta còn là một người sống trong mối quan hệ với người khác, cũng có nghĩa là quá trình hình thành căn tính cá nhân diễn ra liên tục bằng sự phóng chiếu của tôi lên người khác; sự đồng nhất hay phóng chiếu này có lẽ chỉ kết thúc khi cá thể không còn hiện hữu trên đời: “Bản sắc² là sản phẩm của một chuỗi những sự đồng nhất, không bao giờ hoàn tất” (Culler, 2020, p.174). Đồng thời với sự đồng nhất, là cuộc cạnh tranh với người cha để có được tình yêu của người mẹ: khi nhân vật trong tác phẩm tự sự đi tìm căn tính của mình đồng nghĩa với việc nhân vật ấy tuân thủ hoặc chống lại các quy ước xã hội (hình tượng người cha) áp đặt lên mình. Gatsby (trong *Đại gia Gatsby*) nổi lên như một nhân vật kinh điển trong cuộc đấu tranh khẳng định mình với xã hội Mỹ đầu thế kỉ XX. Cách Gatsby tự định nghĩa mình – là một người tình – đối chọi sâu sắc với cách xã hội định nghĩa Gatsby – là một đại gia. Ví dụ này khớp với nhận định của Culler, rằng: “Khi tiểu thuyết liên hệ với bản sắc nhóm – là một phụ nữ là như thế nào, hay là một đứa trẻ thuộc giai cấp tư sản là như thế nào – thì nó thường khám phá xem những nhu cầu của bản sắc nhóm đã hạn chế những khả năng cá nhân như thế nào [...] bằng cách làm cho tính cá thể của cá thể thành tâm điểm chú ý, tiểu thuyết đã kiến tạo nên một hệ tư tưởng về bản sắc cá thể” (Culler, 2020, pp.170-171). Căn tính trong trường hợp này trở thành một lựa chọn của cá nhân (dù tự nguyện hay bị cưỡng ép) đặt trong bối cảnh rộng hơn, có thể là một cộng đồng, một xã hội, một dân tộc.

Từ đây, có thể rút ra hai kết luận về căn tính nhân vật cá thể:

- Cho dù là “đồng nhất” hay “cạnh tranh”, “tự định nghĩa” hay “được định nghĩa” thì yếu tố “người khác” cũng là tiên quyết để hình thành căn tính cá nhân.
- Căn tính vừa là kết quả của hành động (đồng nhất hay cạnh tranh), vừa là nguyên nhân của hành động đó (Culler, 2020, p.169).

Một ví dụ là nhân vật Gregor Samsa trong *Hóa thân* của Franz Kafka: Gregor Samsa chịu áp lực từ cái nhìn của xã hội và gia đình nên tự đồng hóa (tha hóa) mình thành anh viên chức quen ngày ngày có những thói quen ổn định. Hệ quả của sự tha hóa đó đẩy đến đỉnh điểm là việc bị biến thành con vật. Nhưng cũng nhờ sống trong kiếp con vật, Samsa nhận diện tình cảnh phi lí của kiếp người mình sống trước đây, hiểu bản chất con người mình, thèm ăn gì, khao khát gì, sống như thế nào cho bản thân. Một sự hình thành căn tính mới chỉ đến sau hành động biến hình.

Có thể tóm tắt ý tưởng của Culler thành Bảng 1 sau:

Bảng 1. Tính chất căn tính theo quan niệm của Jonathan Culler

Căn tính	Có sẵn	Được tạo ra
Tính cá thể	Nội tại, có trước hành động	Mang tính thay đổi, có sau hành động
Tính xã hội	Do nguồn gốc và thuộc tính xã hội quyết định	Do những vị trí xã hội khác nhau mà chủ thể chiếm giữ quyết định

² “Bản sắc” hay “căn tính” đều là cách dịch từ “identity” trong tiếng Anh.

2.1.2. Căn tính của hình tượng cộng đồng

Lí thuyết “cộng đồng tưởng tượng” (imagined community) của Benedict Anderson trong cuốn *Những cộng đồng tưởng tượng: Suy nghĩ về nguồn gốc và sự lan truyền của chủ nghĩa dân tộc* là công cụ hữu ích để xem xét căn tính cộng đồng trong văn học, hay kiểu nhân vật đám đông đại diện cho một cộng đồng.

Với ông, điều làm nên ý niệm cộng đồng không xuất phát từ một sự thực lịch sử hay văn hóa, mà là do cách chúng ta tưởng tượng nên lịch sử, văn hóa đó. Thế nào là “cộng đồng tưởng tượng”? Đó là cộng đồng mà dù nhỏ hay lớn thì mỗi thành viên có thể không hề biết tới phần lớn các thành viên trong cùng cộng đồng của mình, “những người họ chưa từng gặp gỡ hay thậm chí nghe tới, ấy vậy mà trong tâm trí của mỗi người đều tồn tại hình ảnh về một sự hiệp thông giữa họ” (Anderson, 2019, p.15). Cũng có nghĩa là, căn tính cộng đồng không phải là một sự thực (real) mà các thành viên có thể “tìm về”, “về nguồn” theo nghĩa một nguồn gốc có sẵn, nhưng ngược lại, đó là một ý niệm được “sáng tạo” ra để các thành viên liên kết với nhau thành một cộng đồng. Do đó, không có căn tính đúng hay sai về cộng đồng như một chân lí, mà chỉ có cách ta tưởng tượng về cộng đồng đó. Quan niệm như thế tất yếu dẫn đến cách nghĩ tiếp theo: sẽ có nhiều cách tưởng tượng về cộng đồng, và sẽ có những đối chọi nhau giữa các tưởng tượng ấy.

Cộng đồng tưởng tượng theo kiểu chủ nghĩa dân tộc

Các tác phẩm văn học chủ lưu thuộc dòng chính ở Việt Nam (ở đây, chúng tôi giới hạn trong văn học miền Bắc 1954-1975) phản ánh những thời kì lịch sử đặc biệt, chẳng hạn văn học chiến tranh. Truyền thống dòng văn học này xiển dương tinh thần yêu nước và ca ngợi chủ nghĩa anh hùng, từ *Việt Bắc* (Tố Hữu), *Đất nước* (Nguyễn Đình Thi) đến *Đất nước đứng lên* (Nguyễn Ngọc), *Nhật kí Đặng Thùy Trâm*. Qua các tác phẩm, ý niệm về đất nước và ngoại xâm giúp gắn kết người đọc vốn cùng chia sẻ tiếng nói, lãnh thổ, văn hóa, lịch sử với tác phẩm, thành một cộng đồng dân tộc. Nói như vậy không có nghĩa là những nội hàm như lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, giặc ngoại xâm, là những khái niệm hư cấu không có thực, mà ý muốn nói sự thể hiện của tác phẩm văn học đã gọi lên nơi người đọc những hình dung giúp họ gắn kết với nhân vật, tác giả, và với nhau mặc dù họ chưa từng có trải nghiệm như nhân vật, chưa quen biết tác giả và không biết đến những người đọc khác. Sức mạnh của “tưởng tượng” đã tạo thành một cộng đồng dân tộc, nơi họ tìm được tiếng nói chung.

Anderson diễn giải tiếp: Để gắn kết các thành viên trong cộng đồng thuộc nhiều thế hệ vào lí tưởng dân tộc, thì nhận thức lịch sử – tư duy về thời gian theo trục dọc – đóng vai trò quan trọng. Anderson gọi đó là sự lĩnh hội thời gian theo kiểu “đồng thời” (simultaneity) (p.39), đặc biệt thể hiện rõ ở những cộng đồng thiêng, ví dụ như cộng đồng tôn giáo. Anderson dẫn ví dụ của Auerbach: sự kiện “hi sinh của Isaac” trong Cựu Ước và sự kiện “hi sinh của Chúa Giê-su” trong Tân Ước được lí giải là có mối liên hệ theo kiểu: sự kiện trước báo hiệu cho sự kiện sau, và sự kiện sau thành toàn sự kiện trước. Mối liên hệ này được thiết lập là do sự quan phòng của Thiên Chúa, nên các sự kiện không chỉ diễn ra theo một chuỗi

nổi tiếp, mà nó “đồng thời” luôn luôn như thế (p.39). Tính đồng thời theo nghĩa này tức là “sự đồng hiện của quá khứ và tương lai trong một hiện tại tức thời” (Anderson, 2019, p.39). Lối tư duy ấy rất phổ biến trong văn học cách mạng Việt Nam. Ví dụ về hình tượng mùa thu trong thi ca cách mạng:

“Tháng Tám mùa thu xanh thắm
 Mây nhơn nhơ bay
 Hôm nay ngày đẹp lắm!
 Mây của ta, trời thắm của ta
 Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa!”

(*Ta đi tới* – Tố Hữu, 1954)

Đó là những mùa thu luôn gắn liền với niềm vui và tương lai tươi sáng, vì nó gọi nhắc trở lại một mùa thu cụ thể trong quá khứ: mùa thu diễn ra cuộc Cách mạng tháng Tám 1945, khi Việt Minh giành được chính quyền và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tác dụng của kiểu thời gian mang tính đồng thời này ngoài việc kết nối các thế hệ vào một lịch sử chung, còn nhằm tạo nên một vận mệnh dân tộc theo chiều hướng lạc quan.

Cộng đồng tưởng tượng theo kiểu đại chúng

Hình ảnh cộng đồng trong văn học cách tân dần đánh mất đi sự gắn kết vốn sinh thành từ những đại tự sự truyền thống, nhất là trong bối cảnh đa nguyên và toàn cầu hoá. Nhưng cộng đồng tưởng tượng vẫn tồn tại, theo một cơ chế khác: tính gắn kết cộng đồng được hỗ trợ bằng thời gian được tổ chức theo kiểu “đồng nhất và rộng”. Anderson nói: “tính đồng thời luôn cắt ngang qua thời gian và được đánh dấu không phải bằng sự báo trước hay sự thành toàn, mà bằng sự trùng nhất về mặt thời gian được đo bằng đồng hồ và lịch” (p.40); tức là thời gian này tuyệt nhiên không có “tính đồng thời” với một quá khứ hay tương lai nào, mà là kiểu thời gian lặp lại của tờ lịch, của đồng hồ.

Thử theo dõi cốt truyện tiểu thuyết sau đây của Anderson nhằm minh họa cho một mô hình cộng đồng tưởng tượng kiểu mới, mà ông gọi là “cộng đồng tưởng tượng đại chúng” (popular imagined communities) (p.150): Một người đàn ông (A) có vợ (B) và tình nhân (C), đến lượt cô tình nhân này có người yêu (D). Cùng xem xét các sự kiện diễn ra theo ba phân đoạn thời gian như sau:

Bảng 2. Bảng biểu thời gian sự kiện của một cốt truyện tiểu thuyết đơn giản

(Anderson, 2019, p.41)

Thời gian	I	II	III
Sự kiện	A cãi nhau với B	A gọi điện cho C	D say xỉn ở một quán rượu
	C và D làm tình	B đi mua sắm	A ăn tối ở nhà với B
		D chơi bi-a	C mơ thấy điềm gở

Trong ví dụ này, A và D không hề gặp nhau, biết nhau, nhưng giữa họ vẫn có một liên kết vô hình. Liên kết này hình thành từ hai nguồn: Thứ nhất, cả hai được gắn vào xã hội, là một thực tại ổn định và chắc chắn. Thứ hai, cả hai được gắn vào tâm trí của độc giả toàn tri:

dù trong cùng một phân đoạn thời gian thì các nhân vật không biết hành động của nhau, nhưng độc giả biết A gọi điện thoại cho C, B mua sắm và D chơi bi-a cùng một lúc. Thời gian “đồng thời” (cùng diễn ra hành động trong cùng ngày, giờ) nhưng “trống rỗng” (vì các nhân vật không biết nhau và hành động không có sự tương quan) giữa A và D chính là hình dung về một cộng đồng tưởng tượng được tạo ra.

Như vậy, căn tính của hình tượng cộng đồng trong văn học phụ thuộc vào diễn ngôn mà cộng đồng được gắn vào: nếu là diễn ngôn dân tộc thì hình tượng cộng đồng mang nghĩa của các đại tự sự truyền thống, lịch sử, văn hoá, lãnh thổ dân tộc; nếu là diễn ngôn đại chúng thì ý nghĩa hình tượng cộng đồng còn tùy thuộc vào cái nhìn của độc giả cấp nghĩa cho nó.

2.2. *Căn tính và kí ức tự sự*

Kí ức tác động vào sự hình thành căn tính thông qua những câu chuyện được kể lại. Yếu tố tự sự, do đó, là một thành phần cần thiết xác định cách ta nhìn nhận, trước hết là về bản thân, sau là về mối quan hệ giữa mình với người khác, và khái quát nhất là những đại tự sự mang tính dân tộc. Vấn đề đặt ra là, chúng ta kể các câu chuyện như thế nào? Câu trả lời phụ thuộc vào: một là, quan niệm của chúng ta về kí ức – là thật hay tưởng tượng, là địa hạt của quá khứ hay cả hiện tại và tương lai; và hai là, điểm nhìn khi trần thuật kí ức.

2.2.1. *Quan niệm về kí ức*

Có hai quan niệm về kí ức: (1) kí ức là nơi lưu trữ thông tin và (2) kí ức không chỉ lưu trữ mà còn kiến tạo nội dung mới. Quan niệm (1) muốn nhấn mạnh vào tính chính xác, xem việc kể lại là một quá trình hồi tưởng trung thực, sao chép nguyên vẹn những trải nghiệm của chủ thể. Quan niệm (2) được công nhận rộng rãi hơn trong lí thuyết hiện đại: vấn đề của việc nhớ lại không phải là cố gắng làm cho mọi thứ đúng mà là tạo ra sự hiểu biết chung thông qua những câu chuyện. Maurice Halbwachs cho rằng kí ức luôn là sự đồng chia sẻ với nhau giữa ta và người khác: giống như việc bạn đọc hành trên đường phố Luân Đôn, dù chưa từng ghé qua bao giờ, nhưng kiểu nhà cửa ở đây bạn đã từng nghe thấy một kiến trúc sư kể, lịch sử thành phố ấy bạn đã từng đọc được trong sách, những lâu đài, nhà thờ bạn đã từng xem thấy trong tranh của các họa sĩ – cùng với họ, bạn chia sẻ kí ức về thành phố này (Halbwachs, 1980, pp.23-24). Và những mẫu kí ức được kể lại như thế liên tục được bổ sung những trải nghiệm và nội dung mới, từ người này sang người kia. Thông qua việc kể lại, chúng ta biến những kí ức mang trải nghiệm riêng của mình thành sự hiểu biết và đánh giá chủ quan về bản thân và thế giới. Và thông qua việc nghe những câu chuyện được kể lại, nhận thức của ta được điều chỉnh và tác động đến chính cách ta tự kể câu chuyện của mình (“Chúng ta là những câu chuyện chúng ta kể về mình” (Fivush & Graci, 2017, p.268)). Như vậy, kí ức là thật mà cũng là tưởng tượng, và hiệu quả của sự tưởng tượng ấy phần nhiều là để duy trì các mối quan hệ; và do đó, kí ức thuộc về quá khứ nhưng cũng thuộc về hiện tại và tương lai khi xét đến tầm ảnh hưởng của truyện kể.

Tiểu thuyết *Một thoáng ta rực rỡ ở nhân gian* của Ocean Vương có nhân vật chính Chó Con sống và trưởng thành bằng kí ức của người mẹ và người bà, cụ thể là kí ức về chiến tranh bạo lực và thù hận. Nhưng khi tự kể câu chuyện đời mình, cậu đã chọn hình thức viết thư gửi cho mẹ, lịch sử vì vậy đã có một khoảng lùi bình tĩnh và nhẹ nhàng khi nhân vật nhìn lại những tổn thương. Vì vậy mà chiến tranh đã được nhìn qua lăng kính cái đẹp thay vì chết chóc: “Suốt thời gian qua con tự nhủ mẹ con mình sinh ra từ chiến tranh – nhưng con đã nhầm rồi mẹ à. Mình sinh ra từ cái đẹp” (Vương, 2022, p.283). Thế hệ này, họ không định nghĩa mình là nạn nhân của cuộc chiến, mà mình có quyền chọn lựa, mình có thể tự định danh. Người mẹ và người bà có thể bị gắn với hình ảnh về cái đầu tiêu bản của con hươu trên tường, mãi mãi in dấu của “cái chết không bao giờ kết thúc, cái chết không ngừng chết thêm trong lúc chúng ta đi qua bên dưới nó để trút bỏ nỗi buồn” (p.11). Trong khi đó, Chó Con có thể được gắn với hình ảnh của đàn bướm di cư trong hành trình bay về phương Nam trong chuyến đi một chiều, chuyến đi thoát khỏi kí ức kinh hoàng của chiến tranh, của cái ác để tự định danh mình là “sinh ra từ cái đẹp”.

Một thoáng ta rực rỡ ở nhân gian thuộc về dòng văn học di dân, và cũng giống như các tác phẩm thuộc dòng văn học di dân và (hậu) thuộc địa, nó đặc biệt chú trọng đến yếu tố kể chuyện, thông qua hành vi kể, hay qua các biểu tượng (tấm ảnh, bảo tàng, tượng đài, bài hát, lễ hội...). Stuart Hall, nhà nghiên cứu văn hoá, đã gọi các yếu tố kể chuyện đó là “những hình thức biểu trưng” (forms of representation) (Hall, 1990, p.223). Đây là điểm ông gặp gỡ và kế thừa tư tưởng của Anderson, rằng căn tính văn hóa của một cộng đồng không phải là cái có sẵn, cái đã hoàn tất để tìm lại như trong bộ môn khảo cổ, mà là sáng tạo ra bằng cách kể lại thông qua “hành động tái khám phá bằng trí tưởng tượng” (Hall, 1990, p.224). Thật ra điều này đúng cho các kiểu cộng đồng khác nhau, nhưng trong bối cảnh của cộng đồng di dân và (hậu) thuộc địa, khi các thành viên phải di chuyển từ nơi này qua nơi khác, chịu sự đứt gãy văn hoá, mất lãnh thổ thì giá trị các câu chuyện kể đóng vai trò lớn. Hall đưa ra ví dụ: Khi thế giới phương Tây xâm lược châu Phi, dẹp các ngẫu tượng và tôn giáo bản địa của họ, vốn đa dạng niềm tin và thực hành tôn giáo, để chỉ còn lại độc thần của Kitô giáo phương Tây, thì các bộ lạc châu Phi riêng rẽ đã trở nên thống nhất, tạo thành một căn tính chung trong sự “duy nhất”; nhưng đồng thời, nó chia cắt họ khỏi truyền thống ông cha của họ và làm mất đi căn tính “khác biệt” giữa họ với nhau; nên tính “duy nhất” cũng đồng thời gọi nhắc tính “khác biệt”. Mất đi tính khác biệt này, cộng đồng thiểu số chỉ còn là “cái khác” bị định nghĩa bởi kẻ mạnh. Di dân/ thuộc địa là cộng đồng thiểu số. Sự sống còn của cộng đồng, do đó, không phải là việc bằng mọi giá phải trở về/ lấy lại quê hương, nơi họ thuộc về và vẫn không ngừng khắc khoải về nó trong suốt thời li hương/ bị trị, cũng không phải là việc cố gắng giữ sự thuần khiết của căn tính dân tộc; mà là thừa nhận sự không đồng nhất, sự khác biệt giữa họ với nhau. Điều này chỉ có thể làm được qua các thế hệ bằng sự kể lại sáng tạo của chính các thành viên. Câu chuyện là chốn gìn giữ và lưu truyền an toàn và hữu hiệu.

2.2.2. Điểm nhìn kí ức

Một vấn đề mang tính kĩ thuật có tác động đến nội dung kí ức được kể lại, là điểm nhìn kí ức. Christopher Jude McCarroll và John Sutton trong bài viết “Memory and Perspective” (Căn tính và điểm nhìn) phân biệt hai loại điểm nhìn khi ta hồi tưởng: (1) điểm nhìn của người quan sát (observer perspective): chủ thể hồi tưởng từ ngôi thứ ba, nhìn thấy chính mình trong kí ức ấy như một nhân vật, còn mình ở vai người quan sát đứng ngoài câu chuyện; (2) điểm nhìn bên trong (field perspective): hồi tưởng từ ngôi thứ nhất, như thể sống lại trải nghiệm đầu tiên của mình về kí ức đó (McCarroll & Sutton, 2017, p.114). Quan niệm truyền thống cho rằng kí ức gắn liền với sự thật, nên điểm nhìn bên trong mang lại độ chính xác hơn điểm nhìn người quan sát. Vì một người thay đổi điểm nhìn khi hồi tưởng thì cũng thay đổi nhận thức, tư duy, tình cảm, nên việc giữ nguyên điểm nhìn (bên trong) đúng như trải nghiệm ban đầu khiến việc thuật lại kí ức trở nên chân thật hơn. Tuy nhiên, như đã phân tích ở 3.1, kí ức không phải là bản sao chính xác nội dung trong quá khứ, mà có sự “biên tập”, bổ sung qua quá trình kể lại, nên điểm nhìn bên trong không đóng vai trò độc tôn trong câu chuyện kí ức. Thêm vào đó, khi kể lại, người kể ít nhiều chịu ảnh hưởng của tư duy, tình cảm hiện tại, nên kể lại là quá trình trải nghiệm lại, đồng thời cũng kèm theo cả nhận xét, đánh giá (dù hữu thức hay vô thức). Thế nên bản chất của câu chuyện kí ức đã chứa đựng cả hai điểm nhìn, để đáp ứng hai tính chất: lưu trữ và kiến tạo kí ức.

Điểm nhìn kí ức đóng vai trò nhất định trong việc xây dựng căn tính. Trong khi điểm nhìn bên trong nổi trội hơn ở những kí ức gắn liền với cảm xúc, tâm lí cá nhân, thì điểm nhìn người quan sát chiếm ưu thế ở những kí ức gắn liền với sự nhận thức. Cảm xúc, tâm lí, nhận thức đều là những thuộc tính của căn tính. Việc chọn lựa điểm nhìn nào để kể thể hiện ý định của người kể chuyện muốn xây dựng nét đậm nhạt nào của căn tính nhân vật. *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh là một ví dụ. Việc đặt “nỗi buồn” lên trước “chiến tranh” cho thấy hình tượng người lính tác giả muốn khắc hoạ là một con người đối diện trước cái ác và tình yêu, chứ không phải mẫu hình người lính sống trong lí tưởng cách mạng và chủ nghĩa anh hùng. Để làm rõ ý định ấy, tác giả để cho Kiên trở thành nhà văn, kể lại câu chuyện của mình qua cuốn tiểu thuyết xưng “tôi” – điều này được chỉ rõ do một nhân vật “tôi” xuất hiện ở cuối truyện trong vai người đọc, đọc và sắp xếp bản thảo của Kiên. Anh ta nhận thấy: “Còn bản thân tác giả [tức Kiên – N.H.A], mặc dù xưng “tôi” nhưng đích thực y là ai trong những lính trinh sát ấy, những hồn ma, những bộ hài cốt moi từ đáy rừng lên ấy” (Bảo Ninh, 2015, pp.316-317). Chọn thuật lại từ điểm nhìn bên trong cho thấy tâm trạng của Kiên. Trong khi đó, câu chuyện được kể lại (có thể là tập bản thảo Kiên đã viết, nhưng đã được nhân vật “tôi” sắp xếp lại) mà độc giả cầm trên tay mang tên “Nỗi buồn chiến tranh” này lại được kể từ ngôi thứ ba. Nó đặt người đọc ở vị trí quan sát và nhận thức lại hình tượng người lính. Vậy là có hai câu chuyện được kể từ hai điểm nhìn khác nhau. Sự thay đổi điểm nhìn kí ức linh hoạt trong cùng một tiểu thuyết như thế có thể nói rất nhiều điều về căn tính nhân vật.

2.3. Căn tính và thân thể

Thân thể đã là đối tượng trung tâm của văn học từ rất sớm. Và việc dùng thân thể như một kí hiệu biểu đạt căn tính nhân vật cũng đã xuất hiện từ lâu: từ vết sẹo trên chân của Odysseus, mà qua đó người vú già nhận ra danh tính thật sự của chàng, trong sử thi *Odyssey*, đến thân thể nghịch dị trong *Gargantua và Pantagruel* của Rabelais mở ra một quan niệm mới về con người thể tục thời Phục hưng chống lại các thứ giả hình đạo đức. Nổi tiếng hơn cả có lẽ là thân thể Chúa Giêsu trong Kinh Thánh khi nhập thể và phục sinh, đại diện cho cả thần tính và nhân tính của Thiên Chúa. Đó là một số ví dụ mà Peter Brooks điếm qua trong cuốn *Body Work: Objects of Desire in Modern Narrative* (Tác phẩm thân thể: Đối tượng ham muốn trong tự sự hiện đại) (1993), nhằm khẳng định: “Căn tính, và sự nhận biết nó, phụ thuộc vào thân thể đã được đánh dấu bằng một kí hiệu đặc biệt, trông như cái biểu đạt về mặt ngôn ngữ. Kí hiệu in sâu vào thân thể, khiến nó trở thành một phần của quá trình biểu đạt” (p.3). Tất nhiên cách thức biểu đạt và quan niệm về căn tính trong văn học tiền hiện đại không hẳn giống với thời kì hiện đại, mà chỉ nên hiểu là sự nhận diện nhân vật trong sự khác biệt với người khác và với thời đại.

Niall Richardson và Adam Locks trong cuốn *Body Studies: The Basics* (Nghiên cứu về thân thể: Những vấn đề cơ bản) (2014) đặt vấn đề: “người ta có thân thể [...] nhưng họ cũng là thân thể” (Richardson & Locks, 2014, pp. viii-ix). Nội hàm thân thể và căn tính gắn chặt với nhau qua nhận định ấy, có thể diễn đạt lại thành: thân thể không chỉ biểu đạt căn tính, mà thân thể là căn tính. Thân thể biểu đạt căn tính vì trên thân thể, những phạm trù giới, chủng tộc, xu hướng tính dục... được thể hiện. Thân thể là căn tính, chẳng hạn trong trường hợp thân thể phi nhân (ví dụ: quái vật có thân thể dị hình hay lai ghép trong thần thoại Hi Lạp hay người mang bệnh tật trong Kinh Thánh; trong văn học hiện đại, những yếu tố dị thường của thân thể thường được miêu tả một cách ẩn dụ hoặc mang tính hiện thực huyền ảo) thường đại diện cho cái ác/ cái tội lỗi. Vụ hóa thân biến thành côn trùng của Samsa (*Hóa thân* – Franz Kafka) hay cái đuôi lợn trong dòng họ Buendia (*Trăm năm cô đơn* – Gabriel Garcia Marquez) là những ví dụ tiêu biểu cho mối liên hệ giữa thân thể và/là căn tính.

Sự biểu hiện thân thể còn gắn với diễn ngôn văn hóa – chính trị. Nói rõ hơn, thân thể là một sản phẩm văn hóa – chính trị. Ở tiểu mục 2.1, chúng tôi đã nói về tính chất “tự/ được định nghĩa” của căn tính trong mối liên hệ với cá nhân và xã hội. Thân thể là phần chịu ảnh hưởng trực tiếp, hữu hình từ những sự định nghĩa đó. Không có một thân thể nào tồn tại mà không dưới một áp lực của “cái nhìn”: từ cái nhìn của chính mình trong gương lần đầu tiên khi đưa trẻ soi gương bắt đầu nhận ra mình như một cá thể đến cái nhìn của “người khác”. Cái nhìn cấp nghĩa cho thân thể, đóng khung thân thể vào những diễn ngôn định sẵn. Ví dụ, diễn ngôn về thân thể khoẻ mạnh nam và nữ rất khác biệt, dù sự thể hiện bề ngoài có thể giống nhau. Những cơ thể săn chắc, tròn đầy của những bức tượng, tranh vẽ các vị thần/ người thời Hi Lạp cổ đại thể hiện một tiêu chuẩn thẩm mỹ về con người trần thế (mà sau này trở lại

trong thời Phục Hưng), nhưng theo lí giải của Brooks, trong khi hình tượng nam khoa thân biểu đạt vẻ đẹp anh hùng, thu hút cái nhìn ngưỡng mộ từ người xem (hình tượng vua David là một điển hình), thì hình tượng nữ khoa thân ngay từ đầu đã biểu đạt ý nghĩa kêu gọi dục tính, thu hút cái nhìn ham muốn (như hình tượng nữ thần tình yêu Aphrodite). Trong những thế kỉ sau, khi quan niệm nam quyền chiếm ưu thế thì cơ thể đàn ông được che đậy lại, vì được coi là tác nhân chứ không phải là đối tượng của sự nhận biết, như thân thể phụ nữ. Đến thế kỉ XIX, phụ nữ khoa thân trong tác phẩm nghệ thuật là bình thường thì đàn ông khoa thân hiếm thấy hơn hẳn (Brooks, 1993, pp.16-17). Tất cả đều là hệ quả của diễn ngôn văn hóa. Trong văn chương, Trần Ngọc Hiếu trong bài viết “Thân thể và văn học: Hệ đề tài nghiên cứu” xem xét trường hợp thân thể phụ nữ và tác phẩm chiến tranh:

Trong trải nghiệm của phụ nữ về chiến tranh, thân thể là nơi đầu tiên cảm nhận được sự chuyên chế của chiến tranh. Không phải vô cớ, những người phụ nữ trong cuốn sách của Alexievich [“Chiến tranh không có một khuôn mặt phụ nữ” – N.H.A] có kí ức rất sâu đậm về họ buộc phải cắt bỏ bím tóc dài của mình như là điều kiện bắt buộc đầu tiên khi gia nhập quân đội, phục vụ cho cuộc chiến tranh nhân danh lí tưởng vệ quốc. Bím tóc dài – biểu tượng của vẻ đẹp tính nữ – là thứ mà họ phải hi sinh đầu tiên và trong con mắt đàn ông, cũng là của những người đặt quyền lịch sử, không có lí do gì để người ta phải khóc cho một việc nhỏ nhặt như thế (p.115).

Dưới diễn ngôn chiến tranh, căn tính nữ bị tước bỏ, bị đánh đồng cùng với đàn ông, cả hai giới đều chỉ còn được nhìn dưới ánh sáng của lí tưởng và mục đích chiến đấu – một cái nhìn ngỡ là bình đẳng, nhưng thật ra là bất bình đẳng vì căn tính giới đã bị bỏ qua.

Cũng theo Brooks, thân thể “có thể thuộc về quá trình xã hội hóa [...] nhưng nó thường xuất hiện ở phía xa của ranh giới giữa tự nhiên và văn hóa, nơi cuối cùng văn hóa không thể kiểm soát được” (Brooks, 1993, p.8). Vì thân thể là một sản phẩm văn hóa – chính trị, thế nên phản kháng văn hóa – chính trị cũng xuất phát từ thân thể. Truyền thống Carnival đi vào văn học trở thành thủ pháp carnival hóa từ nghiên cứu của Bakhtin, chỉ rõ nguyên lí của cơ thể nghịch dị trong trò chơi tấn phong – hạ bệ: từ việc chọn người xấu xí nhất lên làm vua, nâng cao phần hạ tầng thân xác, bản năng, đến việc hạ bệ những giá trị đạo đức đương thời thể hiện trong những gương mặt, bộ cánh đẹp đẽ, quyền cao chức trọng (như trong *Nhà thờ Đức Bà Paris* – Victor Hugo) là hành động phản kháng lại những ý niệm truyền thống khoắc lên thân thể và qua đó, khoắc lên cả những vấn đề văn hoá. Những năm đầu thế kỉ XXI xuất hiện một hiện tượng thơ lạ trong văn giới Việt Nam: nhóm *Ngựa trời* do sự kết hợp của năm nhà thơ nữ Sài Gòn. Trong tập thơ *Dự báo phi thời tiết*, các bài thơ của năm nhà thơ nữ hướng về ca ngợi thân xác và tính nữ, lắm khi bị đánh giá là “quái đản”, “khiêu dâm”, “đòi truy”³, nhưng cũng được nhìn nhận là “cởi trói”, “thẳng thắn”⁴ trước các hàng

³ Xem: Tập thơ quái đản của nhóm “Ngựa trời”. (2006). Khai thác ngày 6/9/2022 từ <https://cand.com.vn/Phong-su-tu-lieu/Tap-tho-quai-dan-cua-nhom-Ngua-troi-i16791/>

⁴ Xem: Về hiện tượng “sex” trong tác phẩm văn học... (2005) Khai thác ngày 6/9/2022 từ <https://dantri.com.vn/giai-tri/ve-hien-tuong-sex-trong-tac-pham-van-hoc-1126612982.htm>

rào cấm kị trong văn chương trong nước cho đến nay. Không đánh giá về phương diện nghệ thuật, chỉ nhìn như một hiện tượng, thì ít nhiều nhóm cũng đã tạo được một dấu ấn nhất định trong sinh hoạt văn học đương đại, bằng thân thể phản kháng, nổi loạn trong sáng tác.

Như vậy, thân thể trong văn học khi là sự thể hiện, khi là sự kiến tạo (thường qua biểu hiện phản kháng) diễn ngôn. Những ý niệm về quốc gia, dân tộc, giới... đều được trình bày nơi thân thể ở những mức độ khác nhau. Trong những hoàn cảnh lịch sử – văn hóa đặc biệt, biểu hiện trực quan từ thân thể có thể dung chứa ý nghĩa lớn lao, chẳng hạn không phải ngẫu nhiên mà những tự sự chiến tranh thường không thể thiếu hình ảnh của thân thể dục tính. Có thể một phần vì tính trực quan, dễ thấy dễ chạm của vấn đề thân thể khiến để lại ấn tượng mạnh mẽ nơi người đọc, thân thể dễ phô bày những được và mất, những nguyên lành và sự tàn phá, một cách rõ rệt nhất. Nói như Brooks: “Chính trên thân thể, chúng ta tìm kiếm dấu ấn của căn tính, như các nhà văn của văn học đại chúng đã hiểu rất rõ [...] Những khoảng khắc cao trào khi nhận thức về căn tính của một người, về trật tự của vũ trụ luân lí, được thể hiện trên thân thể” (Brooks, 1993, pp.21-22).

3. Kết luận

Văn học nói về nhiều cách thức hình thành căn tính: Với nhân vật cá thể, căn tính có sẵn từ khi sinh ra (qua dòng dõi, chẳng hạn) hoặc được kiến tạo qua trải nghiệm đường đời. Lại có trường hợp nhân vật sinh ra với một căn tính sẵn có nhưng không nhận thức được nó, và hành trình của nhân vật là hành trình tìm lại căn tính của mình. Căn tính, do đó, vừa là khởi nguyên, giải thích những vấn đề thuộc về nhân vật (hành động, tính cách, lời nói), vừa là sản phẩm của quá trình tương tác với thế giới. Với hình tượng cộng đồng, căn tính có thể đầy ắp ý nghĩa gắn với tính dân tộc, cũng có thể rỗng nghĩa và chờ đợi được cấp nghĩa từ bên ngoài (chẳng hạn từ người đọc) khi gắn với tính đại chúng. Căn tính trong văn học còn được thấy qua cách kể câu chuyện kí ức và sự biểu đạt thân thể. Kí ức và thân thể đều có thể được khai thác đồng thời trên hai bình diện căn tính cá nhân và căn tính cộng đồng. Đặc biệt trong văn học hiện đại, kí ức và thân thể thường ít an phận trong sự thể hiện căn tính sẵn có, mà thường đi đến việc kiến tạo lại căn tính dựa trên sự phản kháng.

Tìm hiểu cơ chế hình thành căn tính trong văn học, qua cách thức kể chuyện trên các bình diện: xây dựng hình tượng nhân vật, xây dựng và kiến tạo kí ức và thân thể, có thể mang lại hiệu quả phân tích nhân vật sâu sắc hơn, cũng như kết nối nhà văn - văn bản - người đọc vào cùng một quá trình diễn giải.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anderson, B. (2019). *Nhung cong dong tuong tuong: Suy nghi ve nguon goc va su lan truyen cua chu nghĩa dân tộc [Imagined Communities: Reflections on the Origin and Spread of Nationalism]* (translated by Nguyen Thu Giang, Vu Duc Liem, Pham Van Thuy, Nguyen Thanh Tung). Hanoi: University of Education Publishing House.
- Bamberg, M. (2009). Identity and Narration. In P. Hühn, J. Pier, W. Schmid & J. Schönert (Eds.), *Handbook of Narratology* (pp. 132-143). Walter de Gruyter GmbH & Co KG.
- Bao Ninh (2015). *Noi buồn chiến tranh [The Sorrow of War]*. Ho Chi Minh City: Tre Publishing House.
- Brooks, P. (1993). *Body Work: Objects of Desire in Modern Narrative*. Harvard University Press.
- Culler, J. (2020). Chương 8: Bản sắc, xác định bản sắc và chủ thể [Chapter 8: Identity, Identification, and the Subject]. *Nhập môn Lý thuyết văn học [Literary Theory: A Very Short Introduction]* (translated by Pham Phuong Chi) (pp.165-183). Hanoi: Writers' Association Publishing House.
- Fivush, R. & Graci, M. (2017). Memory and Social Identity. In S. Bernecker & K. Michaelian (Eds.), *The Routledge Handbook of Philosophy of Memory* (pp. 268-280). London, New York: Routledge.
- Halbwachs, M. (1980). *The Collective Memory* (Francis J. Ditter, Jr. and Vida Yazdi Ditter trans.). NY: Harper & Row.
- Hall, S. (1990). Cultural Identity and Diaspora. In S. Brownlie (Ed.), *Identity: Community, Culture, Difference* (pp. 222-237). London: Lawrence & Wishart.
- McCarroll, C. J. & Sutton, J. (2017). Memory and Perspective. In S. Bernecker, & K. Michaelian (Eds.), *The Routledge Handbook of Philosophy of Memory* (pp. 113-126). London, New York: Routledge.
- Nguyen, H. A. (2023). Can tính tu gốc do triết học - xã hội [Identity from Socio-Philosophical Viewpoint]. *Scientific Proceedings for Postgraduate Students Ho Chi Minh City University of Education* (pp.134-146). Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City University of Education Publishing House.
- Richardson, N., & Locks, A. (2014). *Body Studies: The Basics*. London, New York: Routledge.
- Tran, N. H. (2021). Thân thể và văn học: He đề tài nghiên cứu [Bodies and Literature: Systematic Research Topic]. *Literary Studies*, 5, pp.108-119.
- Ocean Vuong (2022). *Một thoáng ta rực rỡ ở nhân gian [On Earth We're Briefly Gorgeous]* (translated by Khanh Nguyen). Ho Chi Minh City: Writers' Association Publishing House.

ASPECTS OF EXPLORING IDENTITY IN LITERATURE

Nguyen Hong Anh

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Hong Anh – Email: anhnh@hcmue.edu.vn

Received: May 11, 2023; Revised: May 24, 2023; Accepted: June 06, 2023

ABSTRACT

The paper explores how identity is expressed in literature by building individual character, narrative memory and representative body. An individual character is modelled based on the self-defining (by internal factors) and defined (by external factors) formula, while an image of community is built from concepts of nationalism and popularity. Depending on the modes of building characters in literature, identity can be meaningful or empty, uniform or competing with each other and with society. In the aspect of memory, identity is seen from within through narrating of the characters and the author. In the aspect of body, identity shifts from the mind to the physical body, showing both agreement and resistance to the social pattern imposed on the body. From the theoretical aspects to typical examples in literature, the paper provides a general and specific view of identity in literature and shows the effectiveness of analyzing identity associated with the art of narrative and concepts of culture.

Keywords: body in literature; identity in literature; narrative memory